

Số: 99 /TB-HĐTDVC

Tân Bình, ngày 23 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

**Danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức
đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo
quận Tân Bình năm học 2023 - 2024**

Căn cứ Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 (gọi tắt là Hội đồng tuyển dụng viên chức),

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo nội dung như sau:

1. Danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 tính đến hết ngày 22 tháng 6 năm 2023 (đính kèm Danh sách).

2. Người đăng ký dự tuyển viên chức tự rà soát (họ tên, năm sinh, vị trí dự tuyển, đơn vị dự tuyển, bằng cấp, chứng chỉ, đối tượng ưu tiên...); đồng thời chịu trách nhiệm về thông tin cá nhân được niêm yết danh sách công khai trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình: <https://tanbinh.hochiminhcity.gov.vn> và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo: <https://pgdtanbinh.hcm.edu.vn>.

Nếu có thông tin điều chỉnh, bổ sung đề nghị người đăng ký dự tuyển viên chức thông báo điều chỉnh **chậm nhất đến 11 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2023** thông qua bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thành viên Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức - Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo quận. Số điện thoại liên hệ: 028.39490832 (trong giờ hành chính).

* **Lưu ý:** Người đăng ký dự tuyển viên chức thường xuyên theo dõi trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình (<https://tanbinh.hochiminhcity.gov.vn>) và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo (<https://pgdtanbinh.hcm.edu.vn>) để kịp thời cập nhật thông tin mới nhất.

Trên đây là nội dung thông báo danh sách tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức./.

Nơi nhận:

- TTUB: CT (để b/c);
- Thành viên HĐTDVC;
- Ban Giám sát (theo QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 29/5/2023);
- Lưu: VT, Y.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Lê Thị Thu Sương**

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: NHÂN VIÊN)

(Kèm theo Thông báo số 99 /TB-HĐTDVC ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chức chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẠC MẦM NON													
1	Nguyễn Thị Tiên	20/8/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Anh văn B	B			Gửi đường bưu điện
2	Nguyễn Thanh Hà	24/10/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 6	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B	bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương		
3	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/9/1981	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 10A	Đại học	Kế toán	Anh văn A	B			
4	Phạm Thị Thanh Thúy	20/01/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 14	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh văn B	CNTT cơ bản			
5	Đỗ Thị Minh Thu	01/8/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn B	A			
6	Đoàn Mai Ngọc	28/11/1987		Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Kế toán kiểm toán		Tin học ứng dụng			
7	Nguyễn Thị Bích Duyệt	11/4/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Tuổi Xanh	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
CẤP TIỂU HỌC													
1	Nguyễn Thị Loan	25/6/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	CNTT nâng cao	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
2	Trần Thị Thuyền	21/10/1988	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh văn B	A	bồi dưỡng kỹ năng giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập		
3	Nguyễn Thị Thanh Ma	06/01/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán	Anh văn A	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
4	Nguyễn Hoàng Bảo Nh	24/8/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán		B			
5	Ngô Hoài Bảo	09/01/1978	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Đống Đa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH		bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
6	Lại Hải Hà	16/9/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Cao đẳng	Dịch vụ thương mại hàng không	Toeic	CNTT cơ bản	Nghiep vụ Thông tin - Thư viện		
7	Đặng Thị Thúy Vân	06/5/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn A2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
8	Cao Thị Duyên	02/05/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Kế toán tài chính	Anh văn A	Tin học văn phòng	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Gái	28/7/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Kế toán	TOEIC 450	CNTT nâng cao	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
10	Trương Thị Nguyệt Hằng	11/4/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Cao đẳng	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn B	A			
11	Nguyễn Thị Bích Huyền	14/4/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
12	Huỳnh Thị Hồng Đào	17/5/1991	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Chứng chỉ Giáo dục đặc biệt		
13	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/5/1998	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Cao đẳng	Quản trị Văn phòng	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ VT-LT		
14	Nguyễn Thị Vĩnh Hân	10/4/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Đại học	Luật	Anh văn B	B	Trung cấp Thư ký văn phòng		
15	Ngô Như Ngọc	11/10/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
16	Huỳnh Việt Thắng	29/3/1975	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Tài chính Nhà nước	Anh văn B	A			
17	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	12/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Trung cấp	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng chứng chỉ thư viện		
18	Lê Thị Nguyễn Mỹ	02/4/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Kế toán	IELTS 5.5	CNTT			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
19	Huỳnh Kim Hạnh	08/5/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Kế toán	Anh văn C	B			
20	Trần Nhật Quang Khang	20/7/1999	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Công nghệ thông tin	Theo bảng điểm ĐH	Đại học			
21	Đồng Thị Bích Liên	01/7/1973	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Yên Thế	Trung cấp	Thư viện - thiết bị trường học	Anh văn B	CNTT cơ bản			
22	Nguyễn Thị Minh Thủy	16/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng chứng chỉ Thư viện		
23	Đặng Tấn Huy	15/4/1983	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường Tiểu học Yên Thế	Trung cấp	Kỹ thuật viên Tin học		Trung cấp Tin học		Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	

CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1	Nguyễn Thủy Thu Thảo	27/02/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Trung cấp	Hành chính văn phòng	Anh văn B	B			
2	Nguyễn Thị Mai	08/08/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	TOEFL ITP	CNTT cơ bản	Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ		
3	Đặng Thị Thanh Trúc	29/6/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Quản lý giáo dục	Anh văn bậc 2	CNTT nâng cao	Chứng chỉ Quản trị Văn phòng và Công tác Văn thư lưu trữ		
4	Nguyễn Hồ Thanh Quang	15/05/1988	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Tài chính - Kế toán	Anh văn A	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên		
5	Nguyễn Thanh Ngọc Thảo	04/12/1996	Nữ	Kinh	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Ứng dụng CNTT			Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
6	Trương Thị Kim Hân	01/12/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Công nghệ thực phẩm		Tin học Ứng dụng	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện		
7	Phan Thị Phương	01/01/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Thư viện - Thông tin học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Thư viện		
8	Lê Nghi Lập	24/11/1986	Nam	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Cao đẳng	Công nghệ Kỹ thuật điện	Anh văn B	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thư viện - Thiết bị trường học		
9	Vũ Thị Thu Huyền	02/02/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Kế toán	Toeic	Tin học ứng dụng			
10	Trần Lý Cẩm Tú	15/11/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 400	B			
11	Võ Đình Nhã Uy	04/10/1982	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Đại học Ngôn ngữ Anh	Ứng dụng CNTT	bồi dưỡng ngạch kế toán viên		
12	Nguyễn Thị Thu Hương	30/10/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Vật lý	A	Cao đẳng Lý-Tin			
13	Nguyễn Công Thuận	19/02/1986	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Trường Chinh	Trung cấp	Tin học		Trung cấp			
PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐƠN VỊ DỰ TUYỂN CHƯA ĐÚNG													
1	Nguyễn Thị Lan Phương	06/5/1975	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình	Đại học	Kinh tế (Kế toán doanh nghiệp)					Gửi đường bưu điện

Tổng cộng có 44 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Nhân viên (khối MN: 07, khối Tiêu học: 23, khối THCS: 13 và 01 Phiếu đăng ký đơn vị dự tuyển chưa đúng) /.

DANH SÁCH TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024 (VỊ TRÍ DỰ TUYỂN: GIÁO VIÊN)
(kèm theo Thông báo số 99 /TB-HĐTDVC ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
BẬC MẦM NON														
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/3/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CE	CNTT cơ bản				
2	A DA	29/4/1992	Nữ	Kor - dân	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 3	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Anh văn A2	A			dân tộc Xơ - đăng	
3	Nguyễn Thị Kiều Hoa	25/6/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	A				Gửi đường bưu điện
4	Nguyễn Thúy Hằng	11/01/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CE	A				
5	Ngô Thị Muội	17/01/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
6	Nguyễn Minh Hằng	15/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sự phạm	Nghị quyết vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
7	Trần Thị Thúy Vi	23/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT nâng cao				
8	Nguyễn Thị Thu Hương	12/04/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
9	Phạm Thị Nga	14/8/1971	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
10	Trịnh Tuyết Trân	21/3/2000	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
11	Nguyễn Thị Hường	12/02/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 8	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học nâng cao				
12	Võ Thị Ngọc Nhi	05/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 8	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
13	Thân Ngọc Mai	16/01/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
14	Nguyễn Thị Minh Thư	09/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
15	Nguyễn Thị Mộng Thúy	17/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
16	Lưu Ngọc Trinh	21/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
17	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	02/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phú Hòa	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
18	Đặng Thị Thu Hải	26/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 11	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
19	Trương Diệu Linh	09/02/1992	Nữ	Tày	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 11	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				Gửi đường bưu điện
20	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	31/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
21	Trương Ngọc Diễm Quỳnh	27/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 13	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
22	Hà Thị Chuyên	30/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Khoa học giáo dục (Sư phạm mầm non)	Anh văn B	B				
23	Trương Thị Trúc	15/02/1997	Nữ	Chăm	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Chăm	
24	Viên Thủy Linh	03/12/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A				
25	Trần Thị Bích Trâm	14/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sư phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
26	Nguyễn Thị Mỹ Liên	21/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
27	Nguyễn Thị Thanh Thùy	29/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
28	Võ Hồng Da Cẩn	20/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng trung HSK3	CNTT cơ bản				
29	Phan Thị Thảo Nhi	03/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
30	Lê Thị Sương	22/12/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	B				
31	Lê Thị Thanh Quyên	07/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
32	Hoàng Thị Chính	13/7/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
33	Nguyễn Thị Thúy Uyên	12/3/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Sư phạm Mẫu giáo	Anh văn B	A				
34	Lê Nguyễn Hồng Ngọc	18/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn B	CNTT nâng cao				
35	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	18/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Toeic 350	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
36	Võ Thị Ngọc Trâm	08/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
37	Nguyễn Thị Hồng Đào	01/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
38	Lê Thị Thanh Huệ	01/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
39	Trương Thị Mỹ Trang	29/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A	A				
40	Nguyễn Thị Bích Đào	29/10/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
41	Trần Thị Thi	07/8/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B				
42	Nguyễn Thị Vân	06/8/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				
43	Đinh Thị Mỹ Linh	07/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
44	Lê Thị Lan	26/02/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
45	Nguyễn Thị Mai Hương	15/12/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	A				
46	Lâm Thị Ngọc Mỹ	04/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 15	Thạc sĩ	Giáo dục học (GDMN)	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

CẤP TIỂU HỌC

1	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
2	Bùi Thị Quỳnh Mai	18/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
3	Bùi Hoàng Tuyết Linh	18/02/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
4	Đỗ Bùi Xuân Mai	04/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
5	Trần Trúc Vy	28/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
6	Phạm Thị Kim Tuyền	20/12/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
7	Kiều Thị Thái Xuân	17/5/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Chăm	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
8	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	08/7/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
9	Phan Lâm Thư Trúc	02/9/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
10	Nguyễn Nhã Trúc	08/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
11	Đặng Hà Minh Thư	12/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
12	Trần Minh Khuê	09/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
13	Nguyễn Vũ Hoàng Quyên	27/9/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Toeic 645	CNTT cơ bản				
14	Hồ Thị Tính	28/6/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Vân Kiều	
15	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/6/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				Gửi đường bưu điện
16	Võ Thị Hiền	02/05/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sự phạm	Nghị quyết vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
17	Đoàn Thị Thúy Vân	25/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
18	Lê Ngọc Yến Nhi	13/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
19	Nguyễn Cát Lượng	16/4/2000	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
20	Cao Tấn Huy	14/7/1999	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
21	Trịnh Thị Thảo Uyên	12/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
22	Phạm Hoài Vy	27/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
23	Mai Vũ Lê Na	02/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
24	Lê Thị Mỹ Duyên	10/10/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
25	Đàm Tuệ San	16/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
26	Trần Thị Kim Thơ	22/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1					

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sự phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
27	Đào Thị Thanh Vi	16/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Toeic 720	CNTT cơ bản				
28	H Dương Adrong	28/6/1998	Nữ	Ê đê	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản			dân tộc Ê đê	Gửi đường bưu điện
29	Đàm Lê Cẩm Tú	06/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
30	Lê Thị Hoa	20/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Đại học Ngôn ngữ Anh	CNTT cơ bản				
31	Lê Hồng Ngọc	02/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
32	Ngô Thị Thảo Phương	25/02/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngữ văn Anh	Anh văn B1; Pháp văn B	A	Đào tạo NVSP			Gửi đường bưu điện
33	Nguyễn Thị Cẩm Tú	05/11/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Bạch Đằng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B1	B	Bồi dưỡng NVSP lý luận dạy học và giáo dục			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Nhiệm vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
34	Nguyễn Quốc Hùng	09/11/1986	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Anh văn	Đại học	A	Bồi dưỡng NVSP			
35	Lâm Thị Hồng Thắm	01/06/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
36	Trương Công Hậu	15/03/1998	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
37	Đoàn Thị Bích Hường	14/4/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
38	Bùi Thị Hồng Kiều	20/11/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mỹ thuật	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Anh văn B	CNTT cơ bản				
39	Cao Thị Minh Diệu	02/11/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
40	Tạ Thị Thanh Như	10/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
41	Phan Thị Tường Vi	01/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn C; Pháp văn B	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
42	Phan Thị Cẩm Tú	15/4/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn bậc 5	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học			
43	Phạm Thị Quỳnh Anh	24/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Trung HSK3	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP			
44	Nguyễn Thị Huỳnh Linh	11/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
45	Phạm Thanh Thúy	20/9/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
46	Nguyễn Thị Mỹ Oanh	28/02/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
47	Hoàng Thị Ngọc	18/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	B				
48	Mai Văn Minh	22/09/1988	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			học viên tốt nghiệp đào tạo SODB	
49	Lê Thị Bích Trâm	20/12/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
50	Nguyễn Xuân Phương Thy	02/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
51	Đào Phan Hoàng Phúc	22/9/1988	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
52	Nguyễn Phan Minh Tuyền	04/03/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
53	Cao Hoàng Trúc Ly	11/9/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
54	Nguyễn Thị Thơ	22/02/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
55	Bích Thị Quỳnh Như	01/02/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A			dân tộc Chăm	
56	Huỳnh Gia Minh	02/7/1990	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Trung cấp Tin học			dân tộc Hoa	
57	Huỳnh Chí Hào	18/4/1994	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Hoa	
58	Nguyễn Thị Minh Nhiên	22/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
59	Hoàng Lê Thanh Thảo	22/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
60	Trần Thị Thanh Nhạn	01/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
61	Nguyễn Thị Trà My	15/5/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
62	Nguyễn Hồng Ngọc	08/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 215	Ứng dụng CNTT dạy học				
63	Nguyễn Thị Thủy	28/02/1975	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
64	Lê Thùy Thảo Uyên	12/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT dạy học				
65	Phạm Thúy Hương	16/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
66	Huỳnh Thị Ngoan Em	30/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
67	Đoàn Thị Thúy Vân	25/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
68	Nguyễn Thị Thu Ngân	25/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
69	Đỗ Thị Hồng Minh	20/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
70	Lê Kim Ngân	19/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
71	Trịnh Minh Thế	10/7/1991	Nam	Khmer	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm Tin học	Anh văn B1	Đại học			dân tộc Khmer	
72	Nguyễn Thị Thu Phương	26/7/1983	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn B	Đại học	bồi dưỡng NVSP			Gửi đường bưu điện
73	Trần Thị Xuân Diễm	04/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
74	Nguyễn Trần Ngọc Dung	20/09/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục thể học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
75	Võ Minh Vũ	27/02/1997	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
76	Trần Yến Phương	14/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục thể học	Anh văn B	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
77	Phạm Thị Trúc Phương	14/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục thể học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
78	Chu Văn Trang	20/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục thể học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
79	Hoàng Lê Ánh Tuyết	20/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 745	CNTT cơ bản				
80	Nguyễn Lương Hồng Phúc	13/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
81	Nguyễn Ái My	26/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 825	CNTT cơ bản				
82	Phan Tuyết Nhi	19/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
83	Nguyễn Cửu Thu Trinh	23/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 530	CNTT cơ bản				
84	Trần Thị Thủy Uyên	19/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn C	CNTT nâng cao	Bồi dưỡng NVSP cho GV cấp Tiểu học			
85	Trần Thị Ngoan	04/8/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	B	Bồi dưỡng NVSP			
86	Hồ Thị Thanh Kiều	21/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
87	Phan Thị Phương Thảo	02/9/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Tiếng anh	Anh văn B2; Tiếng Pháp B	A	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
88	Bùi Thùy Giang	03/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
89	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/6/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
90	Trần Thụy Phương Thảo	15/09/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
91	Phạm Nguyễn Hoàng Khánh Duy	02/4/2001	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
92	Nguyễn Thị Thanh Vy	22/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
93	Bùi Thị Mai Ngọc	16/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A				
94	Nguyễn Thị Minh Lan	15/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	Đại học	Sư phạm Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
95	Huỳnh Lê Yến Nhi	01/06/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
96	Thái Thị Ánh Tuyết	06/7/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
97	Võ Thị Thủy Hằng	25/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
98	Lý Thị Phương Dung	20/7/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B				
99	Trần Ngọc Thủy Tiên	02/08/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Ngữ văn Anh	Tiếng Hàn TOPIK I	Tin học đại cương	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học			
100	Nguyễn Hoàng Nhân	10/10/1990	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn B2; Pháp văn B	CNTT cơ bản				
101	Lê Thị Uyên Phương	09/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ														
1	Nguyễn Phương Thi	29/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
2	Võ Duy Tiên	24/3/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
3	Nguyễn Thị Hoa	31/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	Ứng dụng CNTT trong dạy - học				
4	Nguyễn Ngọc Quỳnh	15/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
5	Phan Nguyễn Hoài Bảo	02/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học MOS (Word, Excel, Powerpoint)	Bồi dưỡng NVSP			
6	Trương Thị Huyền Trân	24/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn A	A				Gửi đường bưu điện
7	Lê Thị Phương Vân	10/02/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
8	Nguyễn Thúy Hằng	09/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
9	Nguyễn Đức Soát	06/02/1983	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn B	CNTT nâng cao				
10	Bùi Kim Thành	04/5/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn A	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
11	Trương Văn Kim	20/9/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn A	Kỹ thuật viên Tin học				
12	Nguyễn Minh Trí	11/3/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	B				
13	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	A				
14	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	B				
15	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH				
16	Nguyễn Đức Thắng	30/8/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
17	Đặng Thị Thục Quyên	29/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Toeic 665	CNTT cơ bản				
18	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Đại học				
19	Lê Văn Long	18/11/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
20	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
21	Trần Phương Thảo	05/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Cao đẳng Sư phạm Toán - Tin				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
22	Trịnh Chí Quân	18/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
23	Nguyễn Hữu Tính	02/10/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
24	Trần Ngọc Hoàng	30/5/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
25	Đặng Như Uyên Phương	13/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
26	Nguyễn Thanh Thảo	24/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
27	Lê Thị Tuyết Ngân	24/6/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn C	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
28	Phạm Thành Trung	01/4/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	A				
29	Bùi Thị Yên	7/9/1995	Nữ	Mường	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Dân tộc Mường	
30	Huỳnh Văn Lợi	25/01/1982	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Đại học SP Tin				
31	Nguyễn Nhật Phi	22/12/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghiệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
32	Đặng Ngọc Tuấn	07/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH				
33	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	25/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
34	Đỗ Ngọc Trâm	27/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử		CNTT cơ bản				
35	Trần Thị Huyền Trân	08/6/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	A				Gửi đường bưu điện
36	Chu Phạm Tường Vi	12/05/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
37	Trần Nguyễn Nhật Phi	14/10/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học MOS (Word, Excel, Powerpoint)	Bồi dưỡng NVSP			
38	Trần Như Huyền	06/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	CNTT cơ bản				
39	Thông Thị Thu Hoàng	10/6/1998	Nữ	Ragla y	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Raglay	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sự phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
40	Nguyễn Thị Thanh Ngân	15/4/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
41	Trịnh Thị Châm Anh	16/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
42	Quách Tấn Khôi	22/11/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn B1	Word, Excel				
43	Nguyễn Xuân Thiện	05/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
44	Lâm Thị Tú Loan	28/10/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	A				
45	Nguyễn Tiến Xuân Hữu	15/6/1989	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	Anh văn B	A				
46	Trần Gia Hân	25/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
47	Lê Thị Hải Lê	24/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
48	Nguyễn Văn Hân	27/5/1968	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Nga văn C	B				Gửi đường bưu điện
49	Đặng Thị Thủy Ngọc	20/4/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ sư phạm	Nghệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
50	Phạm Châu Huỳnh Mỹ	11/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Đang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
51	Đỗ Trọng Hiền	17/01/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Địa lí	Pháp văn B	Tin học đại cương	Bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên Lịch sử và Địa lý cấp THCS			
52	Nguyễn Lê Phương Dung	21/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	CNTT nâng cao				
53	Phan Nguyễn Linh Tuyền	22/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	TOEIC5 20	CNTT cơ bản				
54	Dương Thị Sinh	04/02/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngữ văn	Anh văn B	Chứng chỉ Tin học	Bồi dưỡng NVSP			
55	Đặng Ngọc Uyên Nhi	25/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
56	Nguyễn Thị Thùy Dương	01/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
57	Phạm Vũ Thùy Trang	08/03/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
58	Dương Thị Bích Hạnh	15/07/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	Anh văn B1	A			Con thương binh	
59	Trần Thị Bích Hào	06/05/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
60	Nguyễn Thị Minh Thu	01/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Thạc sĩ	LL phương pháp dạy học môn Hóa học	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học				
61	Trần Bảo Lân	28/09/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
62	Nguyễn Thị Yến Trinh	31/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
63	Nguyễn Đức Tài	29/3/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A				
64	Phạm Thị Lan Phương	25/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và hóa lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
65	Vũ Thu Trúc	15/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
66	Lê Thị Hạnh Dung	06/12/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa học	Anh văn B1	A				
67	Trần Thị Diệu Lan	26/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A				
68	Bùi Thị Minh Anh	12/4/1998	Nữ	Miền g	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Mường	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sư phạm	Nghị quyết vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
69	Ngô Thị Thúy	02/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	A				
70	Trần Văn Hòa	18/01/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
71	Nguyễn Lê Diệu Ái	14/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
72	Phan Thị Hồng Ngọc	16/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	C				Gửi đường bưu điện
73	Lê Thị Thu Hà	25/7/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A				
74	Nguyễn Thị Yên	02/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học						
75	Đỗ Anh Khuê	02/11/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
76	Trịnh Thị Thanh Xuân	17/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
77	Hoàng Thị Thùy Dung	10/10/1996	Nữ	Nùng	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản			Dân tộc Nùng	
78	Đỗ Thị Bích Liên	06/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				Chưa kèm hồ sơ minh chứng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị quyết vụ sự phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
79	Bùi Thị Hoàn	05/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A				
80	Đỗ Thị Thu Hà	08/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	B				
81	Nguyễn Thị Liễu	27/02/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				
82	Vũ Hải Nguyên	11/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
83	Dương Thị Thanh Triều	10/8/1984	Nữ	Chăm	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản			dân tộc Chăm	
84	Nguyễn Thị Mỹ Anh	20/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Vật lý	Anh văn B	B	bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên dạy KHTN cấp THCS			
85	Huỳnh Ngọc Trâm	08/9/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Vật lý hạt nhân	Anh văn C	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP			
86	Nguyễn Thị Bích Loan	29/8/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
87	Nguyễn Thiên Trang	07/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản				
88	Nguyễn Thị Thanh Thanh	20/4/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				
89	Bùi Thị Tuyết Nhung	25/11/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Vật lý	Anh văn B	B	NVSP Lý luận dạy học và giáo dục			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Nghị vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
90	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/6/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
91	Nguyễn Thanh Nhã	25/9/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
92	Hồ Thị Thanh Thảo	15/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
93	Đỗ Diệu Linh	12/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
94	Tạ Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
95	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	20/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
96	Lý Lê Phương	25/9/1998	Nữ	Hoa	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	UDCNT T trong dạy học			Dân tộc Hoa	
97	Nguyễn Thị Ngọc Bích	28/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản				không có minh chứng kèm theo
98	Lưu Quốc Anh	09/4/1996	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh		CNTT cơ bản				
99	Nguyễn Sơn Trà	10/09/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Powerpoint , word (Microsoft Office Specialist)	bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên THCS			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sự phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
100	Chu Nguyễn Minh Huy	11/12/1993	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2; TKT-Tesol	B	bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên THCS			
101	Nguyễn Phạm Quỳnh Hương	01/06/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2; Trung văn HSK3 (B2)	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP			
102	Nguyễn Dương Ánh Nguyệt	08/06/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngữ văn Anh	Anh văn C1; Pháp văn A	A	Bồi dưỡng NVSP Tiếng Anh THCS			
103	Nguyễn Bích Loan	24/10/1975	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Anh văn	Đại học	Tin học Văn phòng 1, 2				
104	Hoàng Kiều Chi	25/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Anh văn	Ielts 6.0	Tin học Ứng dụng				
105	Nguyễn Thị Bích Tuyền	20/5/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Trung C	Tin học A	NVSP THCS tiếng Anh			
106	Dương Thị Như	28/6/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 6.5 (B2)	CNTT cơ bản				
107	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/10/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT nâng cao	Bồi dưỡng NVSP			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
108	Nguyễn Huyền Trinh	14/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng anh	Đại học	CNTT cơ bản				
109	Võ Trần Quỳnh Như	01/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 6.5 (B2); Trung văn A	CNTT cơ bản				
110	Ngô Đình Huế	20/10/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	B				
111	Nguyễn Thanh Danh	03/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
112	Nguyễn Thị Trúc Linh	29/03/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
113	Ngô Hoài Nhân	21/6/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	Tin học cơ bản				
114	Lê Văn Tuấn	31/10/1993	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản				
115	Trần Xuân Trường	26/10/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
116	Đỗ Thanh Bình	04/4/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học				
117	Nguyễn Đức Hồng Quân	21/6/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	UDCNT T trong dạy học				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề nghiệp vụ sư phạm	Nghề vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
118	Trương Nguyễn Yến Ngọc	11/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn B1	Chứng chỉ MOS (Word, Excel, PowerPoint)	bồi dưỡng NVSP			
119	Bạch Nguyễn Huyền Trân	01/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
120	Dương Trường Phước	29/11/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
121	Cao Thành Đạt	27/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
122	Huỳnh Quý Phương	30/6/1997	Nữ	Hoa	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn B1	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP		dân tộc Hoa	
123	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	02/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
124	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
125	Huỳnh Ngân Long	15/7/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Toeic 450	A	bồi dưỡng NVSP Toán THCS			
126	Đặng Huy	14/6/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
127	Nguyễn Thị Kim Cúc	12/11/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Cao đẳng Toán Tin; B				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
128	Nguyễn Bình Khôi	16/7/1988	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Toán - Tin	Anh văn B	CNTT cơ bản				
129	Lê Minh Tôn	14/4/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	B				Gửi đường bưu điện
130	Võ Minh Tâm	12/12/1978	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
131	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B				
132	Nguyễn Thị Như Thảo	09/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
133	Trần Thị Phượng	26/12/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn A	CNTT cơ bản				
134	Lý Kim Yến	09/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
135	Nguyễn Minh Nhật	06/7/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A				
136	Trần Thị Bé Thanh	04/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	CNTT cơ bản	bồi dưỡng GV dạy KHTN			
137	Văn Thị Bích Hào	01/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
138	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
139	Nguyễn Phước Sang	25/4/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	A				Gửi đường bưu điện
140	Nguyễn Tống Yến Như	14/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
141	Trần Minh Tính	12/10/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện
142	Hàng Thị Anh Hưng	10/6/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	TOEIC 505	A				
143	Hoàng Bảo Khánh	23/02/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
144	Nguyễn Hồng Anh	17/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B2	CNTT cơ bản				
145	Trần Thị Huyền	01/02/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				
146	Trương Thanh Hương	04/12/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
147	Nguyễn Ngọc Ngời	12/10/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Thạc sĩ	Vật lý	Anh văn B	B	bồi dưỡng NVSP			
148	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	06/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT				
149	Đỗ Thị Đào	01/5/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B				Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghịệp vụ sư phạm	Nghịệp vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
150	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/4/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B	B				
151	Lê Huỳnh Ngọc Linh	19/11/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục chính trị	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
152	Kim Xuân Tiến	21/12/1993	Nam	Khmer	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản			dân tộc Khmer	
153	Trần Tiến Đức Trường	08/9/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	A				
154	Hồ Thị Trang Nhã	03/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản				
155	Trần Thị Cẩm Tiên	16/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản				
156	Huỳnh Anh Vũ	27/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	UDCNTT trong dạy học				
157	Lê Khuru Thư Anh	20/3/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
158	Thái Lâm Mỹ Phương	09/02/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH				
159	Lê Ngọc Phụng	15/3/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Pháp văn A	A				
160	Nguyễn Văn Quý	23/9/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B	CNTT cơ bản				
161	Phạm Thị Mỹ Hằng	30/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ su phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
162	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
163	Lê Trung Hiếu	09/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT trong dạy học				
164	Nguyễn Hồng Dương	26/02/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Đại học				
165	Lê Lợi Lan Anh	02/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	CNTT cơ bản				
166	Đỗ Nguyễn Thanh Tâm	13/01/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
167	Bùi Thị Minh Trinh	06/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản				
168	Trương Minh Khải	21/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Đại học	CNTT cơ bản				Gửi đường bưu điện
169	Từ Quang Thiện	30/10/1987	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		CNTT cơ bản				
170	Nguyễn Thị Nga	12/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh		CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phiu hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghệp vụ	Nghệ vụ sự phạm	Nghề vụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
171	Huỳnh Ngân Hà	09/02/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Trung văn C	A	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS				
172	Nguyễn Lê Gia Phúc	12/11/1993	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Tin học ứng dụng	bồi dưỡng NVSP cho GV trung cấp chuyên nghiệp				
173	Hoàng Đức Hiếu	25/6/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	IELTS 6,5-7,5	CNTT cơ bản					
174	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Hoa văn A	UDCNTT trong dạy học					
175	Phạm Thị Thu Huệ	25/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Theo bảng điểm ĐH	Bồi dưỡng NVSP THCS				
176	Tôn Nữ Như Máy	01/4/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngữ văn Anh	Anh văn B1	Tin học đại cương	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS				
177	Đoàn Thị Tâm	16/10/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh văn B	Đại học	Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục				Gửi đường bưu điện

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghiep vụ sự phạm	Nghiep vụ Tổng phụ trách	Thuộc diện ưu tiên	Ghi chú
178	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH				
179	Nguyễn Huỳnh Lộc	23/02/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Thê dục	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	Đang học				
180	Dương Thị Lệ	18/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Công nghệ	Anh văn B	B				
181	Huỳnh Lê Trường Vi	01/5/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A	A				Gửi đường bưu điện
182	Văn Hồng Vương	15/3/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	CNTT cơ bản				
183	Võ Hoàng Sơn	29/4/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Tiếng trung HSK3	CNTT cơ bản				
184	Phạm Nhật Tấn	29/6/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				
185	Nguyễn Thành Tâm	23/02/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản				

Tổng cộng có 332 trường hợp đăng ký vị trí dự tuyển Giáo viên (khối MN: 46, khối Tiểu học: 101, khối THCS: 185)